

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày: 22/6/2020
Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thúc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

2. Ông Nguyễn Văn Vy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (địa chỉ: 60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố H, tỉnh T) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 05 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐST-DS ngày 02/6/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị Linh G.

Địa chỉ: đường K, phường A, thành phố H, tỉnh T. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Châu Văn B.

Địa chỉ: đường O, phường A, thành phố H, tỉnh T. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Lê Thị Thu R.

Địa chỉ: đường O, phường A, thành phố H, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2018 (nộp Tòa án vào ngày 05/9/2018) và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hoàng Thị Linh G trình bày:

Năm 2014, do mối quan hệ quen biết, vợ chồng anh Châu Văn B làm ăn khó khăn, thiếu vốn kinh doanh nên ngỏ ý mượn tiền chị Hoàng Thị Linh G. Do chị G đang có tiền nên chị G đã cho vợ chồng anh Châu Văn B, chị Lê Thị Thu R vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) với lời hứa sẽ trả lại trong vòng một năm, không có thỏa thuận về lãi suất. Anh B có viết giấy vay mượn tiền và ký vào ngày 16/6/2014 đưa cho chị G.

Trong năm 2018, do cần tiền nên chị G đã đòi lại số tiền trên nhưng hai vợ chồng anh B, chị R không trả và còn thách thức chị. Vào ngày 5/8/2018 và ngày 12/8/2018 chị đã viết thông báo đòi nợ gửi anh B, chị R. Sau hai tuần thông báo trả nợ nhưng không thấy anh B, chị R có sự phản hồi nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh B, chị R trả cho chị số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), chị không yêu cầu tiền lãi. Ngoài ra, chị G còn trình bày, số tiền mà chị cho vợ chồng anh B, chị R vay là số tiền riêng của chị, không phải là tài sản chung của vợ chồng chị, không liên quan đến chồng chị là anh Trần Y.

Bị đơn là anh Châu Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Thu R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng : Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, 357, 463, 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Linh G, buộc vợ chồng anh Châu Văn B, chị Lê Thị Thu R phải trả cho chị Hoàng Thị Linh G số tiền 30.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Châu Văn B, Lê Thị Thu R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng 750.000 đồng án phí chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thủ tục tố tụng:

Bị đơn là anh Châu Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Thu R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Do đó, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B, chị R.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Châu Văn B, chị Lê Thị Thu R không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự chối bỏ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Tòa án căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Linh G, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Việc vay mượn tiền giữa chị G với anh B đã được xác nhận bằng giấy mượn tiền và ký kết vào ngày 16/6/2014 để vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Việc vay mượn tiền và xác nhận nợ này là sự thỏa thuận giữa hai bên không vi phạm điều cấm của pháp luật, thể hiện ý chí hoàn toàn tự nguyện của hai bên. Giấy vay mượn trên là một bản hợp đồng dân sự vay tài sản có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật, người vay là anh Châu Văn B, người cho vay là chị Hoàng Thị Linh G. Do giấy mượn tiền không thể hiện thời gian trả nợ nên vào ngày 5/8/2018, chị đã viết thông báo đòi nợ gửi anh B lần thứ nhất, ngày 12/8/2018 gửi lần thứ 2. Như vậy, chị G đã báo trước một thời gian hợp lý nhưng anh B không trả nên chị G có quyền khởi kiện yêu cầu anh B trả số tiền trên theo khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố H đã triệu tập anh B, chị R nhiều lần nhưng anh B, chị R không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 205/2019/QĐ-CCTLCC ngày 09/10/2019 tổng đạt trực tiếp cho anh B, chị R nhưng đến nay anh B, chị R không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh B, chị R đã trả cho chị G số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) hoặc tài liệu, chứng cứ chứng minh anh B, chị R không nợ chị G số tiền trên.

Chị Lê Thị Thu R vợ của anh B, anh B vay tiền chị G để phục vụ nhu cầu làm ăn chung của vợ chồng để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình nên chị R phải có trách nhiệm cùng với anh B phải trả cho chị G số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng.

Từ các nhận định trên, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G; buộc anh B, chị R phải trả cho chị G số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) là đúng pháp luật như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.

Chị G không yêu cầu tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị G được chấp nhận nên anh Châu Văn B, chị Lê Thị Thu R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

1.500.000 đồng (30.000.000 đồngx 5%). Hoàn trả cho chị G số tiền tạm ứng 750.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007746 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 351, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Linh G; buộc anh Châu Văn B, chị Lê Thị Thu R phải trả cho chị Hoàng Thị Linh G số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Châu Văn B, chị Lê Thị Thu R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho chị G số tiền tạm ứng 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007746 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thúc Mỹ